

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v báo cáo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Thực hiện Văn bản số 19/UBKHCMNT15 ngày 06/8/2021 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc đề nghị báo cáo về An ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; UBND tỉnh Bình Định xin báo cáo như sau:

I. Đánh giá hiện trạng, tiềm năng tài nguyên nước và nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045; việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước

1. Nước mặt

Bình Định có diện tích tự nhiên 6.050 km² thuộc vùng khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa, có tổng lượng mưa trung bình năm 1.751 mm, cực đại là 2.658 mm, cực tiểu là 1.131 mm. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 và chiếm khoảng 70% lượng dòng chảy năm; mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8. Tổng trữ lượng nước theo tần suất 85% khoảng **5,217** tỷ m³/năm;

Có 4 lưu vực sông lớn là sông Lại Giang (gồm An Lão và Kim Sơn), sông Côn, La Tinh và Hà Thanh; Nước lưu vực sông Lại Giang chảy ra biển qua cửa An Dũ; nước lưu vực sông La Tinh chảy vào đầm Đề Gi, chảy ra biển qua cửa Đề Gi; nước lưu vực sông Côn và Hà Thanh cùng chảy vào đầm Thị Nại, chảy ra biển qua cửa Quy Nhơn.

Nước ngọt ở Bình Định được tích lại vào mùa mưa nhờ 163 hồ chứa thủy lợi, với dung tích chứa khoảng **592** triệu m³ điều tiết nước vào mùa khô. Những năm mưa ít, nguồn nước trữ trong các hồ chứa bị thiếu, không tổ chức sản xuất nông nghiệp từ 10-30% diện tích canh tác. Những năm mưa nhiều, khả năng cất lữ các hồ chứa rất kém, xảy ra ngập lụt hạ du, thiệt hại cơ sở hạ tầng nặng nề, nhiều năm sau mới khắc phục được.

Thượng nguồn hồ Định Bình có năm hồ chứa thủy điện, tổng dung tích **229** triệu m³, tạo nguồn nước ổn định cho lưu vực sông Côn; bên cạnh đó, sông Côn còn được bổ sung một lượng nước từ sông Ba với lưu lượng không thường xuyên qua thủy điện An Khê - Kanak với lưu lượng bình quân 8 m³/s, tổng lượng hữu ích khoảng **400** triệu m³.

Tiềm năng nguồn nước mặt của tỉnh Bình Định khá dồi dào nhưng mất cân đối về thời gian (từ tháng 2 đến tháng 8) và không gian (các vùng thiếu nước); đặc biệt vùng lưu vực sông La Tinh và Bắc Phù Mỹ.

Quan sát nhiều năm, lượng mưa trung bình năm ít biến động nhưng mưa vào mùa mưa nhiều hơn mùa khô; dòng chảy các tháng mùa khô trên lưu vực nhỏ hơn số liệu trung bình nhiều năm; rất khó khăn cho việc điều tiết nước sản xuất cho sinh hoạt, nông nghiệp và các ngành kinh tế. Các suối là nguồn nước nhiều đời phục vụ sinh hoạt vùng đồng bào dân tộc thì hiện nay đến mùa hè không còn nước.

Nước lợ tại các đầm Đê Gi (16,5 km² mặt thoáng), đầm Thị Nại (50 km² mặt thoáng), là điều kiện để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ, nghề muối và rừng ngập mặn.

2. Nước dưới đất

Theo kết quả điều tra đánh giá Đê tài “Điều tra thành lập loạt bản đồ địa chất môi trường” do Liên đoàn Địa chất thủy văn - Địa chất công trình miền Trung thực hiện năm 2004. Trữ lượng tiềm năng nước dưới đất tỉnh Bình Định được đánh giá theo trữ lượng động tự nhiên và trữ lượng tĩnh của các tầng chứa nước ngọt, với tổng trữ lượng khai thác tiềm năng khoảng 1.333.000 m³/ngày, trong đó trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác khoảng 533.311 m³/ngày.

Định hướng về sử dụng tài nguyên nước dưới đất phải hạn chế, từng bước chuyển dần sang khai thác và sử dụng nước mặt.

3. Nhu cầu sử dụng

Giai đoạn đến năm 2020 - 2030 đáp ứng tổng nhu cầu sử dụng nước ngọt toàn tỉnh là: 1,79 - 1,93 tỷ m³/năm; cân bằng nước đến năm 2020 còn thiếu khoảng 313 triệu m³, đến năm 2030 thiếu khoảng 240 triệu m³. Thời gian thiếu từ tháng 2 đến tháng 8 hàng năm; cao điểm nhất vào tháng 4 và tháng 7. Vùng thiếu nước tập trung tại vùng Bắc Phù Mỹ, vùng lưu vực La Tinh.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch

Quy hoạch Tài nguyên nước được lập và phê duyệt tại Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Nội dung phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước mặt với các nội dung: i) Phân bổ nguồn nước: Đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của các ngành trong kỳ quy hoạch. Giai đoạn đến năm 2020 - 2025 - 2035 đáp ứng tổng nhu cầu sử dụng nước toàn tỉnh là: 1,26 - 1,35 - 1,48 tỷ m³/năm; ii) Đảm bảo mục tiêu chất lượng theo quy chuẩn hiện hành để phục vụ cho mục đích sử dụng nước sinh hoạt và các mục đích khác, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, môi trường đến năm 2025 - 2035; iii) Đến năm 2035 các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được kiểm soát 100% theo quy định của pháp luật.

Quy hoạch Thủy lợi được lập và phê duyệt tại Quyết định số 3487/QĐ-

UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 về cấp cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) và các ngành kinh tế khác.

Quy hoạch Tài nguyên nước, Quy hoạch Thủy lợi được kiểm soát, quản lý chặt chẽ, có giám sát việc thực hiện quy hoạch và có điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế từng giai đoạn, nhưng vẫn giữ các nguyên tắc cơ bản về an ninh nguồn nước.

II. Công tác bảo vệ nguồn nước, kiểm soát, phòng chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra; quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn sinh thủy trên địa bàn.

1. Nước mặt

UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 5194/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 về việc phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh; trong đó, các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh bao gồm: 47 đoạn sông, suối; 5 hồ chứa thủy điện; 163 hồ chứa thủy lợi; 3 đầm; 12 hồ trong đô thị, khu dân cư tập trung và kế hoạch, thứ tự ưu tiên nguồn nước cần cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

Bình Định có 32.840 ha rừng đặc dụng (chiếm 5,4% tổng diện tích tự nhiên), 178.509 ha rừng phòng hộ (chiếm 29% tổng diện tích tự nhiên), 168.598 ha rừng sản xuất (chiếm 27% tổng diện tích tự nhiên). Tại các lưu vực hồ chứa vừa và nhỏ chủ yếu là rừng sản xuất. Vào mùa khô nguồn sinh thủy giảm nhanh; vào mùa mưa gây xói mòn, nước rất đục, bồi lắng lòng hồ.

Công tác trồng rừng phòng hộ trong các lưu vực hồ chứa từng bước được quan tâm như trồng cây lâu năm trong lưu vực hồ chứa, chuyển hóa rừng trồng sản xuất gỗ nhỏ sang sản xuất gỗ lớn với chu kỳ kinh doanh từ 10 năm trở lên, nhưng chưa tương xứng với nhiệm vụ bảo vệ nguồn nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Cần có giải pháp hữu hiệu, chính sách mạnh mẽ để rừng đầu nguồn chuyển thành rừng phòng hộ để chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; gắn thiết bị kiểm soát nguồn nước, kiểm soát chất lượng nước; có giải pháp khả thi kiểm soát nước thải, rác thải đổ vào nguồn nước.

Phòng chống ô nhiễm nguồn nước: Đối với các khu vực đô thị đã có hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xử lý rác thải. Đối với khu vực nông thôn, nguồn ô nhiễm gồm nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi, rác thải sinh hoạt xả trực tiếp vào nguồn nước tự nhiên; mùa lũ làm nước đục,... nhưng chưa có giải pháp xử lý.

Phòng chống tác hại do nước tại vùng miền Trung theo nghĩa hẹp gồm lũ lụt, sạt lở đất và hạn hán, xâm nhập mặn. Vùng miền Trung mùa nắng kéo dài 9 tháng, mùa mưa kéo dài 3 tháng; mùa nắng ít mưa gây thiếu nước, mùa mưa mưa nhiều gây lũ lụt. Công trình thủy lợi làm nhiệm vụ tích nước vào mùa mưa và điều tiết nước vào mùa khô. Tuy nhiên, dung tích chứa không đủ lớn đáp ứng

được hai nhiệm vụ quan trọng là cắt lũ giảm ngập cho hạ du và điều tiết nước cung cấp đủ nước cho các ngành kinh tế vào mùa khô.

Sạt lở đất xảy ra trong thời gian gần đây chủ yếu do tác nhân của con người. Tại Bình Định đã xảy ra tại các mái đào làm đường giao thông vùng trung du, miền núi gây tắc đường, khó khăn giao thông trong mùa mưa bão; khai thác các bãi vật liệu đất phục vụ cho xây dựng, tạo mái dốc làm mất ổn định (trường hợp về trượt lở núi trong lòng hồ Vạn Hội vào ngày 16/12/2016 trong lúc hồ đang đầy nước); các vùng rừng trồng trên sườn núi dốc khai thác vào cuối mùa khô rất dễ sạt trượt.

Vấn đề xâm nhập mặn cơ bản giữ được: Vùng hạ lưu sông Hà Thanh, sông Côn có hệ thống đê và công trình ngăn mặn, giữ ngọt bao quanh đầm Thị Nại đã kiểm soát tốt. Vùng hạ lưu sông La Tinh có ba nhánh sông đổ ra đầm Đè Gi; có một nhánh đã xây dựng đập ngăn mặn (đập Đức Phổ); hai nhánh còn lại chưa xây dựng; vùng đầm Trà Ổ có đập ngăn mặn Trà Ổ. Vùng hạ lưu sông Lại Giang có đập ngăn mặn trên sông Lại Giang.

2. Nước dưới đất

Năm 2016, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc điều tra lập danh mục các giếng khoan, giếng đào không khai thác, sử dụng phải trám lấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, kết quả thực hiện có 13.860 giếng phải trám lấp theo quy định.

Năm 2020, tỉnh Bình Định đã nhận bàn giao các giếng khoan từ các đơn vị của Bộ Tài nguyên và Môi trường: 24 giếng khoan có lưu lượng khai thác từ 44,1 m³/ngày đến 664,4 m³/ngày đêm và đã giao lại UBND các huyện Vân Canh, An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn quản lý đưa vào khai thác, phục vụ cấp nước sinh hoạt.

Năm 2021, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 về việc Phê duyệt danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; trong đó, có 74/104 xã, phường, thị trấn thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; 103/104 xã, phường, thị trấn thuộc khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

Theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 của Thủ tướng Chính phủ: Đến năm 2025 sẽ hạn chế sử dụng nguồn nước dưới đất và đến năm 2035 ưu tiên sử dụng nước mặt để phục vụ cho cấp nước sinh hoạt.

Tuy nhiên, một số vùng thiếu nước tưới, người dân tự khoan giếng để tưới cây trồng cạn hoặc chống hạn cho cây lúa một vài lúa cuối vụ. Khi nguồn nước mặt được cung cấp đầy đủ thì tình trạng này sẽ chấm dứt.

III. Việc khai thác, sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các ngành kinh tế khác; cấp nước đô thị, cấp nước sạch nông thôn

Trên các lưu vực các sông có xây dựng 163 hồ chứa loại có dung tích từ 50 ngàn m³ trở lên với tổng dung tích 592 triệu m³, hồ Định Bình có nguồn nước hỗ trợ từ các hồ thủy điện khoảng 229 triệu m³, sông Kôn nhận nguồn nước thủy điện An Khê - KaNak khoảng 400 triệu m³. Cuối năm 2021, hồ Đồng Mít trên lưu vực sông An Lão hoàn thành, với dung tích 90 triệu m³. Các hồ chứa nước lớn có tính quyết định đến an ninh nguồn nước như: Lưu vực sông Kôn có các Hồ Định Bình dung tích 226 triệu m³, hồ Núi Một dung tích 110 triệu m³; hồ Thuận Ninh dung tích 35 triệu m³, lưu vực La Tinh có hồ Hội Sơn 46 triệu m³. Lưu vực sông Hà Thanh chưa có hồ chứa nước đủ lớn để bảo đảm nguồn nước. Những năm mưa ít, nguồn nước trữ trong các hồ chứa bị thiếu, không tổ chức sản xuất nông nghiệp từ 10-30% diện tích canh tác. Những năm mưa nhiều, khả năng cắt lũ các hồ chứa kém, xảy ra lũ lụt hạ du, thiệt hại cơ sở hạ tầng, nhiều năm sau mới khắc phục được.

Lượng nước đến theo tần suất 85% là 5.217 triệu m³, nhu cầu dùng cho tất cả các ngành kinh tế của tỉnh là 1.791 triệu m³, xây dựng bài toán cân bằng thì thiếu nước khoảng 313 triệu m³ từ tháng 2 đến tháng 8 hàng năm; cao điểm nhất vào tháng 4 thiếu khoảng 147 triệu m³, tháng 7 khoảng 99 triệu m³. Vùng thiếu tập trung tại vùng Bắc Phù Mỹ, vùng lưu vực La Tinh. Cụ thể:

Phục vụ sản xuất nông nghiệp là tưới được 127.953 ha đất gieo trồng (số liệu thực hiện năm 2020), cấp nước ngọt cho 2.378 ha nuôi trồng thủy sản bao gồm: 163 hồ chứa (có dung tích từ 50.000 m³ trở lên), 278 đập dâng, 258 trạm bơm, 28 hệ thống dẫn chuyển nước, 166 hệ thống công trình thủy lợi. Nhìn chung, nguồn nước cho sản xuất đáp ứng được 85% diện tích gieo trồng của tỉnh (vụ Đông Xuân cơ bản cung cấp đủ nước, vụ Hè Thu bị thiếu). Những năm hạn, thiếu nước, tỉ lệ này thấp hơn, cụ thể như năm 2020 đã bỏ trống không sản xuất hơn 5.600 ha đất canh tác trong vụ Hè Thu.

Phục vụ sinh hoạt: Nước sinh hoạt ở tỉnh Bình Định chủ yếu bằng giếng đào, giếng khoan, khai thác nước dưới đất với tổng công suất khoảng 230.000 m³/ngày; trong đó, 152.000 m³/ngày được khai thác dọc sông phục vụ cho công trình cấp nước tập trung phục vụ cho sinh hoạt (nguồn nước khai thác được bổ cấp từ sông), còn lại khai thác nước phục vụ hộ gia đình.

Trong 152.000 m³/ngày cấp nước sinh hoạt từ các nhà máy tập trung, có 104.000 m³/ngày phục vụ cho đô thị (21 công trình); 48.000 m³/ngày phục vụ cho vùng nông thôn (23 công trình). Còn 78.000 m³/ngày nguồn nước khai thác từ các công trình cấp nước tự chảy miền núi và khoảng 200.234 giếng đào, giếng khoan phục vụ cấp nước sinh hoạt của hộ gia đình.

Phục vụ công nghiệp, dịch vụ: Chủ yếu cung cấp nước sinh hoạt, tưới cây cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Trong tương lai sẽ có những khu công nghiệp, dịch vụ sử dụng nước nhiều.

Thủy điện có 8 công trình (5 hồ chứa, 3 đập dâng) với tổng công suất lắp máy 311,4 MW, điện lượng bình quân năm là 1491,43 triệu KWh.

IV. Công tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy điện, thủy lợi

1. Công tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy điện

Có 05 công trình có hồ chứa thủy điện gồm: Vĩnh Sơn (A, B, C), Trà Xom, Ken Lút Hạ; có 3 đập dâng Vĩnh Sơn 5, Nước Xáng, Văn Phong đang hoạt động.

Chủ đầu tư các công trình thủy điện cơ bản đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật về công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện như: Đăng ký an toàn đập, kiểm định an toàn đập, báo cáo hiện trạng an toàn đập, xây dựng phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, lắp đặt hệ thống camera giám sát mực nước hồ, giám sát việc xả nước qua tràn, qua nhà máy..., vận hành hồ chứa thủy điện đúng theo Quy trình vận hành đơn hồ, liên hồ đã được phê duyệt.

Một số công trình thủy điện chưa xây dựng Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, do các Chủ đầu tư đang triển khai xây dựng bản đồ ngập lụt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

Việc lắp đặt hệ thống quan trắc thủy văn chuyên dùng, hệ thống giám sát vận hành, camera giám sát mực nước hồ, việc xả nước qua tràn, qua nhà máy và truyền hình ảnh về các cơ quan liên quan theo quy định thực hiện chưa đồng bộ, vì chất lượng đường truyền internet ở các vùng núi còn hạn chế nên gây khó khăn cho việc kết nối trực tuyến về cơ quan chuyên môn.

2. Công tác bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi

UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2811/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục phân loại đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định. Trong đó, bao gồm: 163 hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 50.000 m³ trở lên, phân loại có: 61 hồ chứa lớn, 37 hồ chứa vừa và 65 hồ chứa nhỏ, (hồ chứa lớn: cửa van 25 cái, tràn tự do 36 cái; hồ chứa vừa: cửa van 02 cái, tràn tự do 35 cái; hồ chứa nhỏ: cửa van có 04 cái, tràn tự do 61 cái).

Từ năm 2018 đến nay thực hiện nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với các hồ chứa thủy lợi, cụ thể hàng năm tổ chức kiểm tra công trình thường xuyên trước, trong và sau lũ chính vụ với kết quả thực hiện: Kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi đầy đủ; lập, điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa được 57/163 hồ, trong đó có 14 hồ được UBND tỉnh phê duyệt quy trình vận hành; lập quy trình bảo trì công trình mới chỉ thực hiện được ở các hồ chứa có các dự án được 30/163 hồ; lắp đặt thiết bị và quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng: Về lắp đặt trạm quan trắc mưa được 25/67 hồ chứa yêu cầu phải lắp đặt; quan trắc mực nước hồ được 69/163 hồ yêu cầu thực hiện (gồm 18 trạm tự động và 49 hồ quan trắc bằng cột thủy chí); quan trắc lưu lượng đến được 15/67 hồ yêu cầu thực hiện; quan trắc lưu lượng xả 15/102 hồ yêu cầu thực hiện; quan trắc chuyển vị có 02/163 hồ yêu cầu; quan trắc thấm có 13/163 hồ

yêu cầu; quan trắc ứng suất thân đập có 01/03 hồ yêu cầu; kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước có 31/163 hồ kiểm định lần đầu, chưa thực hiện kiểm định định kỳ 5 năm kể từ lần kiểm định gần nhất đối với đập; đơn vị khai thác thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên, duy trì năng lực phục vụ, bảo đảm an toàn đập nhưng chưa thực hiện được đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; lắp đặt hệ thống giám sát vận hành có 02 hồ gồm Định Bình và Núi Một, thiết bị giám sát vận hành hồ Định Bình đã hỏng, lắp camera cho 03/31 hồ yêu cầu thực hiện (hồ có cửa van) gồm hồ Định Bình, hồ Núi Một, hồ Thuận Ninh; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập thực hiện 1/67 hồ có yêu cầu; đã thực hiện phương án cấm mốc bảo vệ hạ du đập ở 12/89 hồ yêu cầu; Phương án ứng phó thiên tai được UBND tỉnh phê duyệt 5 hồ chứa lớn (gồm hồ Định Bình, Núi Một, Thuận Ninh, Vạn Hội, Hội Sơn) và 01 đập Văn Phong; 10 hồ được lồng ghép vào phương án chung cấp xã ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của các xã, các hồ chứa do UBND cấp huyện làm chủ thể quản lý thì xây dựng phương án phòng chống thiên tai cho hồ chứa lồng ghép vào phương án phòng chống thiên tai cấp xã hoặc cấp huyện; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã lập được 06 hồ lớn. Có 61/163 hồ chứa có hồ sơ, chủ yếu là các hồ chứa được sửa chữa, nâng cấp trong những năm gần đây.

Công tác quản lý an toàn hồ chứa thủy lợi mặc dù có cố gắng, nhưng còn nhiều tồn tại; đặc biệt ở cấp huyện, cấp xã thực hiện vẫn còn mang tính hình thức; thiếu năng lực, không lường hết những ẩn họa bên trong công trình; chưa đủ kiến thức để phòng ngừa, ứng phó với mưa lũ bất thường và cần phải thay đổi về phân cấp quản lý.

Năm 2020, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định; trong đó, chuyển giao từ các địa phương về cho Công ty nhà nước trực thuộc UBND tỉnh nhận khai thác các hồ chứa loại lớn để dần đáp ứng yêu cầu năng lực quản lý, khai thác theo quy định pháp luật. Đến nay, Công ty quản lý 67 hồ chứa bao gồm 65 hồ chứa lớn và 02 hồ chứa vừa và các địa phương đơn vị quản lý khai thác quản lý 98 hồ bao gồm 33 hồ vừa, 65 hồ nhỏ.

Năm 2021, kiểm tra hiện trạng công trình vẫn còn 35 hồ cần phải được tu bổ, sửa chữa bảo đảm an toàn. Trong 35 hồ xuống cấp có 10 hồ nhỏ, xung yếu cần hạn chế tích nước (bao gồm các hồ Giàn Tranh, Hóc Thánh, Cây Điều, Thuận An, Hóc Dài, Suối Cầu, Hóc Xoài, Mu Rùa, Nam Hương, Hải Nam). Giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh sẽ tiếp tục đầu tư sửa chữa nâng cấp bảo đảm an toàn hồ đập.

V. Công tác điều hòa, phân phối nguồn nước giữa các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực nội tỉnh; vận hành khai thác sử dụng công trình chuyển nước từ lưu vực sông Ba sang lưu vực sông

Kôn (nguồn nước thủy điện An Khê - Ka Nak cấp cho hệ thống tưới kênh Thượng Sơn)

1. Công tác điều hòa, phân phối nguồn nước giữa các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực nội tỉnh

Nguồn nước tỉnh Bình Định được tích trữ tại các hồ chứa, điều tiết về các hệ thống sông, dâng nước nhờ các đập trên sông và sử dụng chung cho các ngành kinh tế trong tỉnh.

Sau thời gian vận hành, khai thác hệ thống công trình, việc chuyển nước và điều hòa nước giữa các lưu vực trong tỉnh là cần thiết. Hiện nay, đã xây dựng công trình chuyển nước từ lưu vực hồ Hội Sơn sang lưu vực hồ Hội Khánh (Phù Mỹ) khoảng 5 triệu m³/năm; chuyển nước từ lưu vực sông Kôn sang lưu vực La Tinh 1,5 m³/s (khoảng 35 triệu m³/năm). Trong tương lai tiếp tục xây dựng công trình chuyển nước từ sông Kôn sang La Tinh khoảng 100 triệu m³/năm; muốn có đủ nguồn nước để chuyển, cần phải nâng cấp hồ Định Bình thêm 150 triệu m³ (thành tổng dung tích 376 triệu m³) và đầu tư công trình chuyển nước. Tiếp tục đầu tư công trình chuyển nước từ Đồng Mít về vùng khô hạn Bắc Phù Mỹ.

2. Vận hành khai thác sử dụng công trình chuyển nước từ lưu vực sông Ba sang lưu vực sông Kôn

Nguồn nước sông Ba chuyển nước về sông Kôn thông qua hệ thống thủy điện An Khê - KaNak. Công trình được vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Ba tại Quyết định số 878/ QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn nước sông Ba chuyển về sông Kôn được sử dụng như sau: (i) nhận nước khoảng 4,5 m³/s, chuyển vào hệ thống kênh tưới Thượng Sơn tưới cho 3.500 ha đất canh tác, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 25.000 hộ dân; (ii) nhận nước và phát điện cho nhà máy thủy điện Tiên Thuận, sau đó chảy vào sông Kôn; (iii) sông Kôn nhận nguồn nước, phân phối cho khu tưới Văn Phong và khu tưới hệ thống Tân An - Đập Đá. Hàng năm nguồn nước hữu dụng cấp cho Bình Định khoảng 400 triệu m³.

Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn đã hoàn thành, nhưng chưa chủ động nhận nguồn nước từ thủy điện An Khê - KaNak do nhà máy thủy điện phụ thuộc vào Trung tâm điều độ quốc gia nên không chủ động vận hành, làm hạn chế việc nhận nước và phân phối nước vào ruộng. Hàng năm, UBND tỉnh Bình Định có Công văn gửi các Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Gia Lai, Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia tạo điều kiện giúp đỡ cấp nước tưới và chống hạn theo kế hoạch cấp nước cho hệ thống kênh tưới Thượng Sơn trong 02 vụ Đông Xuân và Hè Thu mỗi vụ cần 13 đợt tưới, mỗi đợt xả liên tiếp 05 ngày, nghỉ 05 ngày với lưu lượng cần thấp nhất mỗi đợt 3,00 m³/s.

Nguồn nước này đã bổ sung vào mùa khô hạn tỉnh Bình Định là vô cùng quý giá. Trong thời gian đến tỉnh Bình Định tiếp tục nghiên cứu biện pháp trữ nước, sử dụng nguồn nước này ngày càng hiệu quả hơn.

VI. Đánh giá và kiến nghị

1. Mặt được

Tài nguyên nước trên lưu vực sông nội tỉnh đã được quan tâm tích trữ, điều tiết và sử dụng chung cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tài nguyên nước ngoài tỉnh chuyển vào tỉnh đã được tận dụng tối đa cho phát điện, cho nông nghiệp, sinh hoạt.

Các Quy hoạch Thủy lợi, Quy hoạch Tài nguyên nước phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù tài nguyên nước được đánh giá dồi dào, nhưng khai thác, sử dụng tài nguyên chưa được nhiều (sử dụng khoảng 35%); nhưng đến mùa khô vẫn còn thiếu nước, mùa lũ gây ngập lụt và làm thiệt hại cơ sở hạ tầng.

Công tác phòng, chống ô nhiễm nguồn nước, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước chưa được quan tâm đúng mức.

Công tác an toàn đập, hồ chứa từng bước đã được nâng lên, nhưng các chủ thể khai thác công trình chưa chuyển thành hành động rõ ràng; nguyên nhân chính là giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi chưa đủ để thực hiện nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi.

3. Kiến nghị

Tiếp tục xây dựng công trình tích trữ nước, đáp ứng được hai mục tiêu cắt lũ và phòng chống hạn hạn, xâm nhập mặn, duy trì dòng chảy môi trường cho hạ du để phòng chống tác hại do nước. Tiếp tục chuyển nước lưu vực trong nội tỉnh; cụ thể (i) thực hiện Đề án Nâng cao năng lực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi tỉnh Bình Định và nâng cấp sửa chữa các hồ chứa hư hỏng, xuống cấp; (ii) xây dựng mới các hồ chứa thủy lợi: hồ Suối Lớn (huyện Vân Canh), hồ Nước Dinh (huyện An Lão) để bảo đảm cung cấp nước tưới cho các vùng thường xuyên thiếu nước mùa khô và đặc biệt là nguồn nước phục vụ sinh hoạt; (iii) xây dựng mới các đập dâng trên sông: đập Hà Thanh (huyện Tuy Phước, thành phố Quy Nhơn), đập Hà Thanh 1 (huyện Vân Canh), đập Gò Chàm (thị xã An Nhơn), để trữ nước, nâng cao mực nước trên sông để tưới cho cây trồng, điều tiết nguồn nước, cải thiện môi trường sinh thái; (iv) nâng cấp dung tích hồ Định Bình thêm khoảng 150 triệu m³ với mục tiêu cắt lũ, giảm ngập cho vùng hạ du, tạo nguồn nước để chuyển cho lưu vực La Tinh (Phù Cát, Phù Mỹ), chuyển nước sang khu tưới Thượng Sơn (Tây Sơn); chuyển nước từ sông Lại Giang đến các xã phía Bắc Phù Mỹ.

Có giải pháp mạnh mẽ, chính sách rõ ràng để chuyển rừng sản xuất trong lưu vực lòng hồ thành rừng phòng hộ; chính sách bảo đảm sinh kế cho người dân khi chuyển loại rừng; tổ chức về quản lý, bảo vệ rừng thật tốt.

Đầu tư hệ thống thiết bị kiểm soát, giám sát chất lượng, số lượng nguồn nước; kiểm soát ô nhiễm nguồn nước và thống nhất xây dựng quản lý cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và cấp quốc gia; xử phạt thật nặng đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm đến chất lượng nguồn nước, ô nhiễm, làm suy giảm nguồn nước.

Tiếp tục nghiên cứu về khoa học - công nghệ, chính sách hợp lý về sử dụng nước một cách tiết kiệm hiệu quả. Có biện pháp rõ ràng để tổ chức, cá nhân cung cấp nước và sử dụng nước phải tiết kiệm.

Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn được phê duyệt đối với cấp nước sinh hoạt và ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, hạn chế sử dụng nguồn nước dưới đất, không mở rộng phạm vi khoanh định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất vượt quá phạm vi quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định về việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

Đánh giá việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực sông Kôn - Hà Thanh sau 03 năm thực hiện theo Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/7/2018 của Chính phủ về ban hành quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực sông Kôn - Hà Thanh và Quy trình vận hành liên hồ chứa lưu vực sông Ba tại Quyết định số 878/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng chính phủ có xét đến việc cấp nước cho lưu vực sông Kôn để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh